KB Securities VIETNAM

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]
TTCK Việt Nam có phiên giảm điểm nhẹ do chịu tác động từ diễn biến điều chỉnh trên diện rộng ở nhóm cổ phiếu ngân hàng

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]
Các HĐTL đồng loạt tăng giá, trái ngược với diễn biến giảm ở chỉ số Vn30 Index

[Cổ phiếu tác động đến thị trường]
DBC, TCM

[Vĩ mô/Chiến lược]
Cơ cấu rổ ETFs VN30-VNFinlead-VNDiamond

[Quan điểm đầu tư]
Tránh mua đuổi, chờ những tín hiệu xác nhận xu hướng trước khi mở trạng thái trở lại.

02/07/2020

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	842.38	-0.13
VN30	785.59	-0.16
HĐTL VN30F1M	773.00	+0.57
HNXIndex	111.61	-0.07
HNX30	214.39	-0.36
UPCoM	55.89	-0.29
USD/VND	23,205	+0.00
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.97	-0
Lãi suất qua đêm (%)	0.19	+9
Dầu (WTI, $)	39.98	+0.40
Vàng (LME, $)	1,771.85	+0.10

Điểm nhấn thị trường

VNIndex	842.38 (-0.13%)
KLGD (triệu CP)	190.9 (-22.9%)
GTGD (triệu U$)	163.0 (-18.8%)
HNXIndex	111.61 (-0.07%)
KLGD (triệu CP)	24.0 (-27.8%)
GTGD (triệu U$)	9.7 (-24.6%)
UPCoM	55.89 (-0.29%)
KLGD (triệu CP)	10.6 (-17.9%)
GTGD (triệu U$)	6.1 (-22.5%)
NĐTNN mua ròng (triệu U$)	-7.4

TTCK Việt Nam có phiên giảm điểm nhẹ do chịu tác động từ diễn biến điều chỉnh trên diện rộng ở nhóm cổ phiếu ngân hàng. Với việc các ngân hàng đồng loạt công bố hạ lãi suất cho vay và lãi suất huy động, nhà đầu tư lo ngại nguồn thu từ lãi của các ngân hàng sẽ chịu tác động tiêu cực trong các quý tiếp theo, kéo theo sự sụt giảm ở giá cổ phiếu ngành này trong phiên hôm nay như ở BID (-0.5%), VCB (-0.1%). Trong khi đó, thông tin Chính phủ bổ sung vốn cho dự án đường sắt cao tốc Bắc Nam giúp các cổ phiếu hạ tầng giao dịch khởi sắc ở C4G (+4.4%), HTI (+4.7%). Thông tin EVFTA sẽ chính thức có hiệu lực từ ngày 1/8 tiếp tục giúp cổ phiếu ngành thủy sản như TS4 (+0.3%), VHC (+2.8%) và cổ phiếu ngành khu công nghiệp như SNZ (+5%), NTC (+1.1%) giao dịch khởi sắc. Nhóm cổ phiếu ngành đường như SBT (+0.7%), QNS (+0.7%) đồng loạt tăng giá sau khi giá đường thế giới tăng giá 2 phiên liên tiếp gần đây. Nhà đầu tư nước ngoài có phiên bán ròng ở IBC (+0.4%), VIC (-1.2%), POW (-1.9%).

VNIndex & HNXIndex

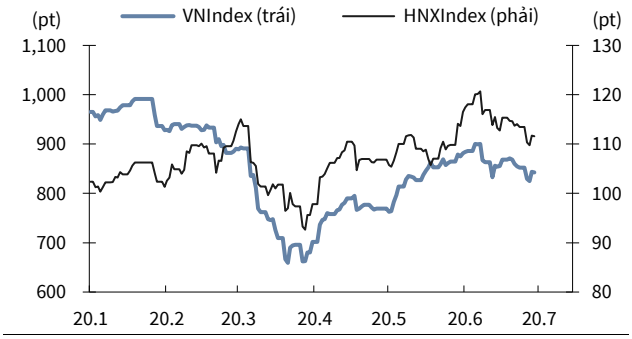

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành

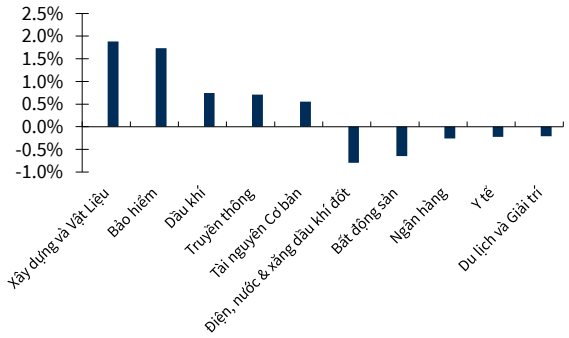

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm

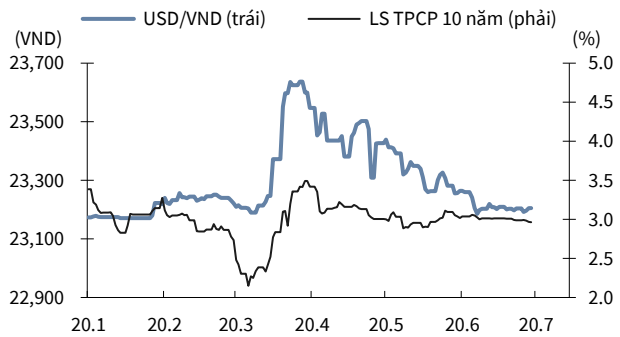

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng

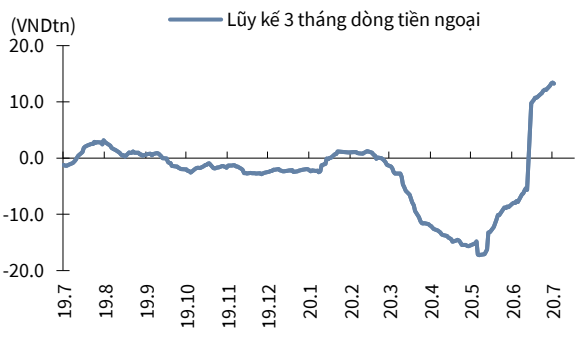

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	**785.59 (-0.16%)**
VN30F1M	**773.0 (+0.57%)**
Mở cửa	**770.6**
Cao nhất	**778.0**
Thấp nhất	**762.6**
KLGD (HĐ)	**220,836 (+10.7%)**

Các HĐTL đồng loạt tăng giá, trái ngược với diễn biến giảm ở chỉ số Vn30 Index, nhờ diễn biến tăng mạnh của các chỉ số tương lai chứng khoán Mỹ trong phiên chiều. Chênh lệch ở F2007 với thị trường cơ sở mở cửa ở mức -15.82 điểm, trước khi thu hẹp về mức -11.82 điểm khi chỉ số Vn30 Index mở cửa tăng điểm. Chênh lệch nhanh chóng mở rộng ra -18.25 điểm khi chỉ số cơ sở đảo chiều giảm điểm trong buổi sáng, trước khi thu hẹp về mức -9.05 điểm nhờ đà hồi phục của các chỉ số tương lai chứng khoán Mỹ vào phiên chiều, và đóng cửa ở mức -12.59 điểm. Nhà đầu tư nước ngoài giao dịch với khối lượng ở mức thấp, bán ròng ở F2007. Thanh khoản thị trường ở mức trung bình cao.

HĐTL VN30F1M & VN30

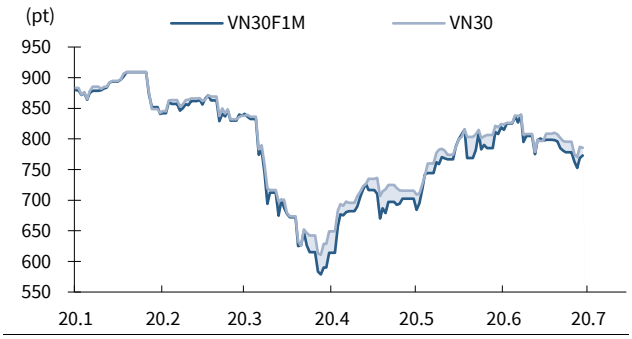

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30

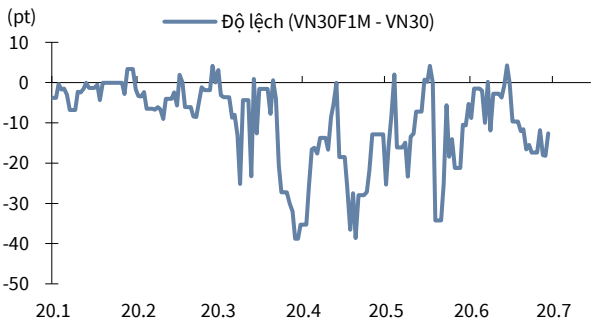

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở

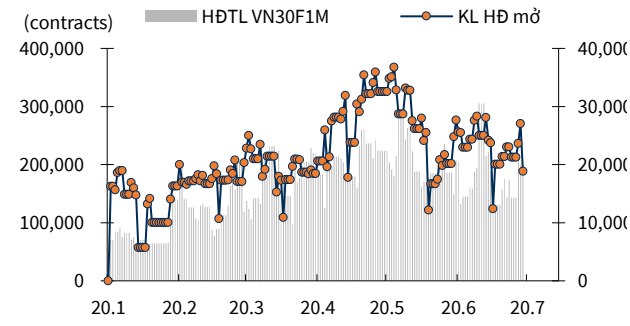

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn

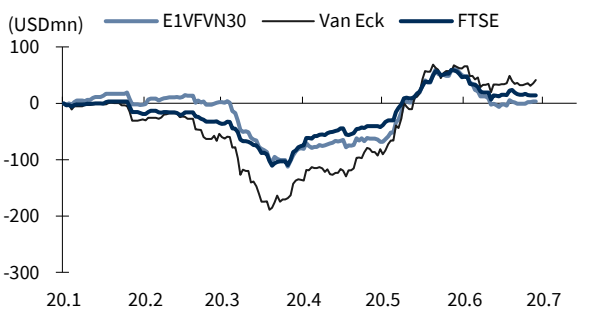

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Tâm điểm cổ phiếu trong ngày

Dabaco (DBC)

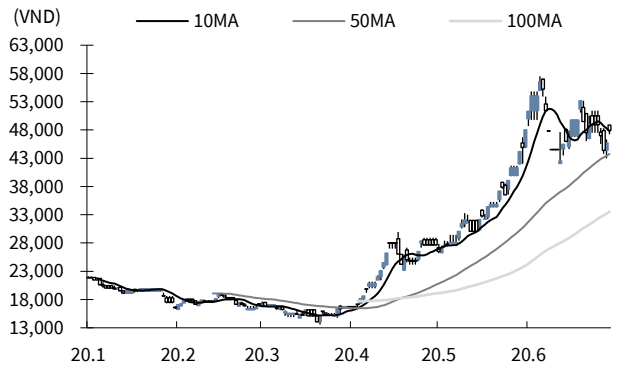

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- DBC tăng 4.8% lên 47,900 VNĐ/cp.

- DBC mới đây công bố kết quả kinh doanh ước tính quý 2 với lợi nhuận sau thuế 397 tỷ (gấp 53 lần so với cùng kỳ 2019) và doanh thu 3,106 tỷ (+86% YoY). Kết quả tăng đột biến của DBC nhờ doanh nghiệp hưởng lợi giá thịt lợn tăng cao trong nửa đầu năm, kết hợp với việc KQKD cùng kỳ năm trước xuống thấp chịu ảnh hưởng của dịch tả lợn châu Phi.

Dệt may Thành Công (TCM)

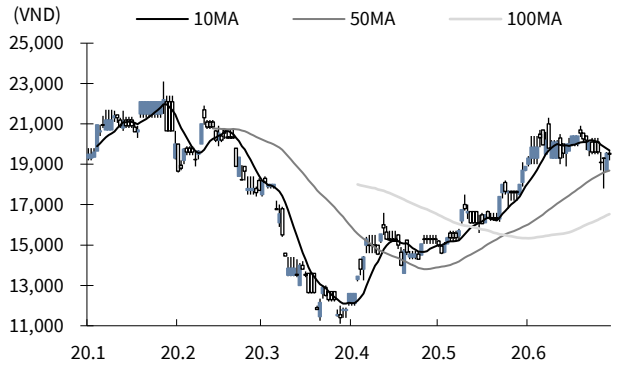

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- TCM giảm -0.3% xuống 19,500 VNĐ/cp.

- TCM mới đây công bố kết quả kinh doanh ước tính quý 2 với lợi nhuận sau thuế 76.2 tỷ (+46% YoY) và doanh thu 924 tỷ (+20% YoY). Lãnh đạo công ty cho biết, trong quý 2, công ty đã xuất khẩu nhiều đơn hàng khẩu trang vải kháng khuẩn và đồ bảo hộ y tế sang Mỹ với doanh thu và lợi nhuận tương đối tốt, bù đắp được sự thiếu hụt đơn hàng truyền thống do tác động của dịch Covid-19.

Cơ cấu tháng 7/2020

VN30 Index, VNFin Lead Index & VNDiamond Index

Trần Đức Anh
Giám đốc Kinh tế Vĩ Mô & Chiến lược thị trường
anhtd@kbsec.com.vn

02/07/2020

KDH và TCH nhiều khả năng sẽ thay thế BVH and CTD trong kì review của VN30 Index

BVH đối mặt với nguy cơ bị loại khỏi rổ VN30 do vi phạm tiêu chí tỷ lệ free-float với tỷ lệ free-float của BVH dưới 10% và giá trị vốn hóa điều chỉnh free-float (GTVH_f) nhỏ hơn trung vị của tập hợp 90% GTVH_f của rổ cổ phiếu. Trong khi đó, cổ phiếu CTD nhiều khả năng cũng bị loại do vi phạm tiêu chí giá trị vốn hóa. Ở chiều ngược lại, KDH sẽ là cái tên sáng giá lọt vào rổ VN30. Cơ hội cho vị trí còn lại sẽ chia đều cho TCH và GEX khi giá trị vốn hóa của 2 cổ phiếu này không chênh lệch đáng kể. Dù vậy, chúng tôi nghiêng về lựa chọn TCH vào rổ VN30 kì tới. Cơ cấu danh mục sẽ có hiệu lực vào ngày 03/08/2020.

Danh mục chỉ số VNFin Lead Index nhiều khả năng sẽ không có sự xáo trộn trong kì review tới

Các cổ phiếu hiện tại trong rổ VNFin Lead đều đáp ứng tốt điều kiện xét duyệt, chỉ trừ EIB ở sát ngưỡng đạt chuẩn tiêu chí tỷ suất vòng quay tối thiểu 0.1% nên vẫn có nguy cơ bị loại ra khỏi rổ. Cơ cấu danh mục sẽ có hiệu lực vào ngày 03/08/2020.

Danh mục chỉ số VNDiamond Index sẽ được giữ nguyên khi kì review tháng 7 chỉ cập nhật thông tin khối lượng lưu hành, free-float, giới hạn tỷ trọng vốn hóa và trọng số điều chỉnh thanh khoản của cổ phiếu thành phần. Thay đổi sẽ có hiệu lực vào ngày 03/08/2020.

Tác động dự kiến trong kì review tháng 7:

Cổ phiếu được mua vào đáng kể: KDH, FPT, TCH, VHM, ROS
Cổ phiếu bị bán ra đáng kể: BVH, VNM, HDB, CTD, TCB

Chúng tôi kì vọng KDH sẽ được hưởng lợi nhiều nhất trong kì review này với dòng tiền chảy vào dự kiến khoảng 5.7 triệu USD, tương ứng với 7 ngày giao dịch. VN30, VNFin Lead và VNDiamond sẽ công bố thay đổi quý chỉ số vào ngày 20/7/2020. Chúng tôi ước tính dòng tiền tác động lên cổ phiếu dựa trên giá trị tài sản của các ETFs mô phỏng theo 3 bộ chỉ số, bao gồm: 1) VFMVN30 ETF với 249 triệu USD và KIM KINDEX VIETNAM VN30 ETF với 162 triệu USD mô phỏng theo VN30 Index; 2) SSIAM VNFIN Lead ETF với 26 triệu USD mô phỏng theo VNFin Lead Index; 3) VFMVN30 Diamond ETF với 60 triệu USD mô phỏng theo VNDiamond Index.

Chuyên viên chiến lược thị trường
Lê Anh Tùng
tungla@kbsec.com.vn

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex

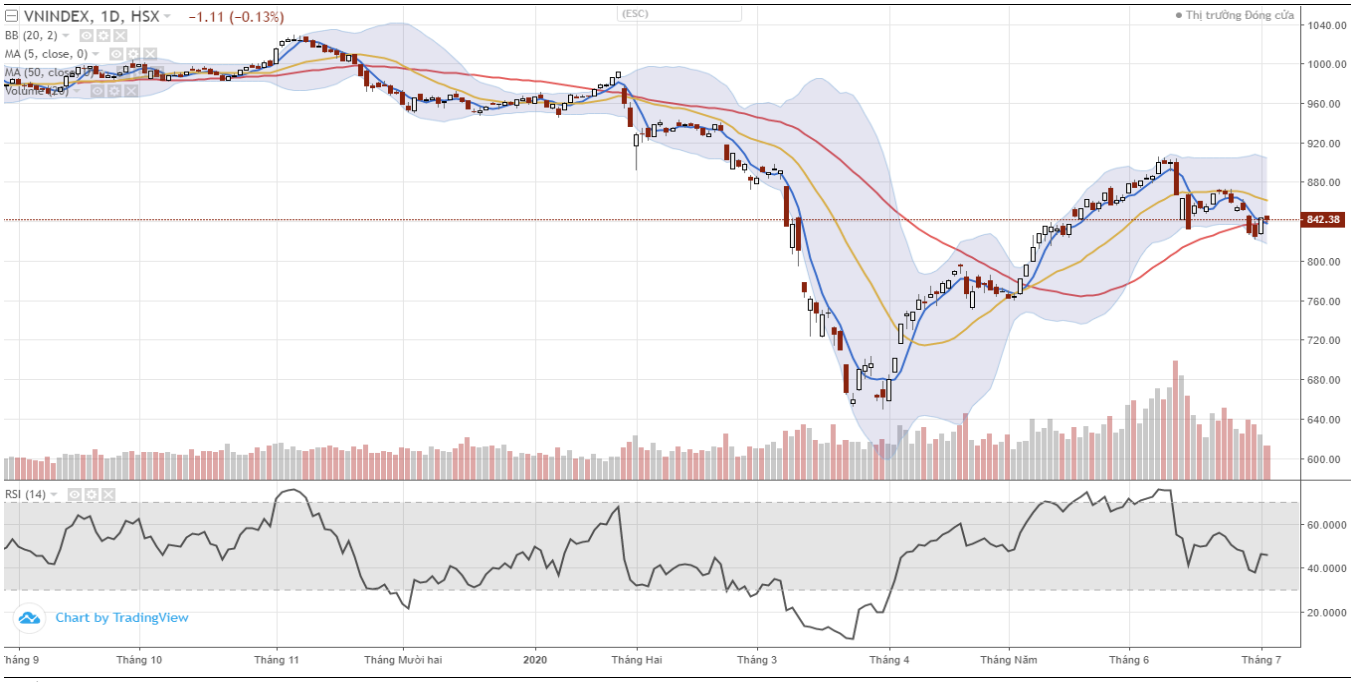

Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

— Sau nhịp tăng phiên hôm qua, VNIndex diễn biến giằng co với biên độ hẹp trong phiên hôm nay.

— Trạng thái kĩ thuật bớt tiêu cực hơn khi áp lực bán đã được hấp thụ phần nào, khiến rủi ro điều chỉnh xuống vùng sâu hơn tạm thời được hạn chế. Chỉ số đang có cơ hội quay lên vùng kháng cự gần tại 85x trước khi chịu nhiều áp lực rung lắc hơn.

— NĐT được khuyến nghị tránh mua đuổi, chờ những tín hiệu xác nhận xu hướng trước khi mở trạng thái trở lại.

Chỉ số VN30

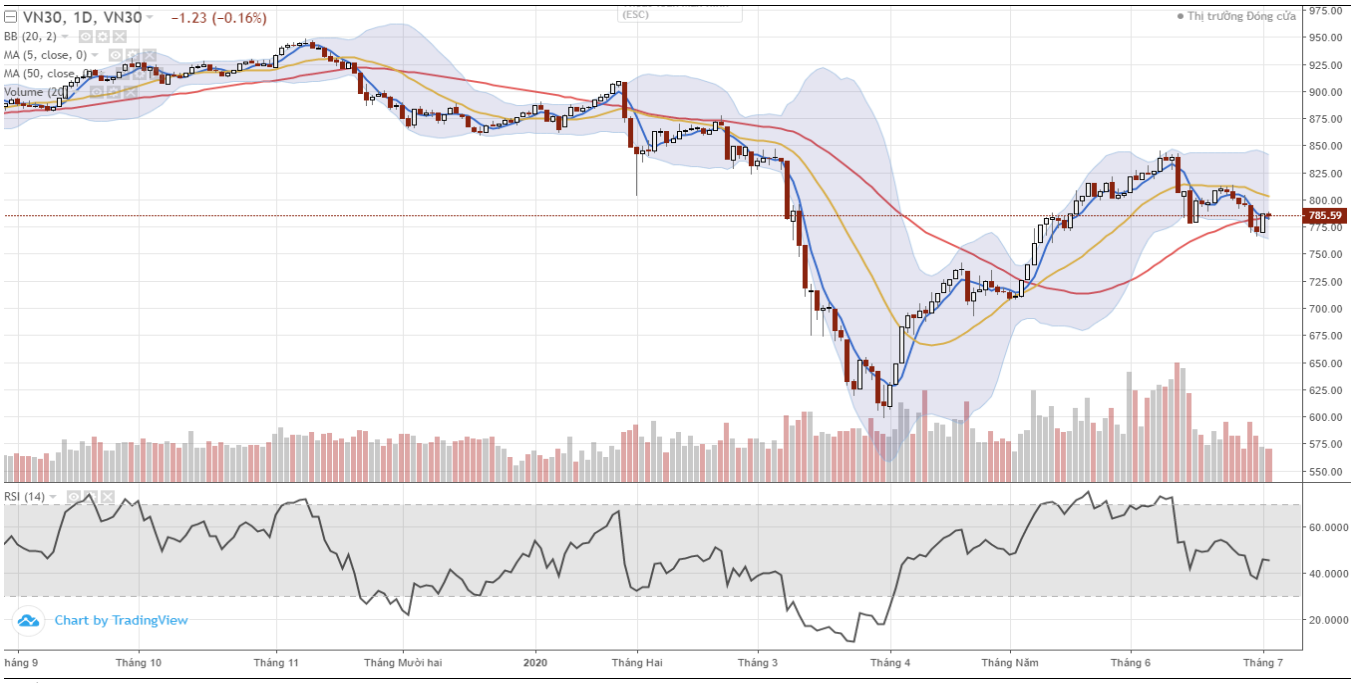

Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Hợp đồng tương lai – VN30F1M

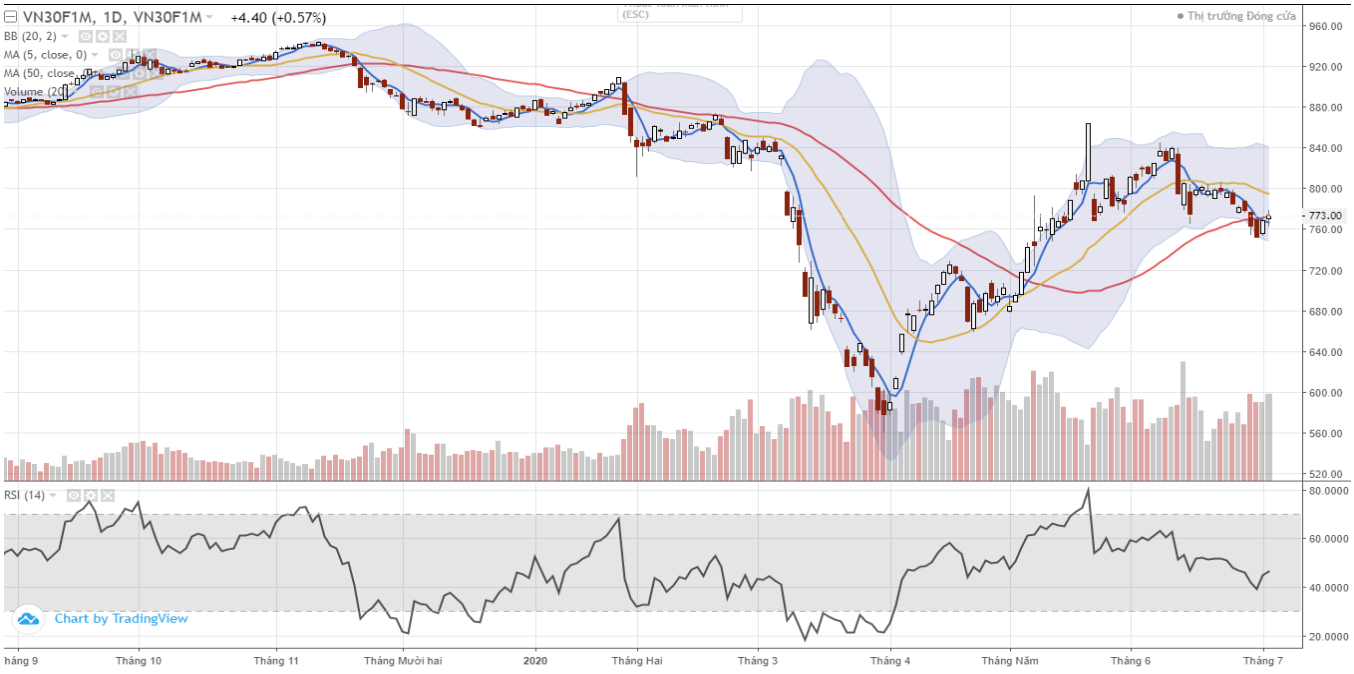

Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

— VN30 và F1 diễn biến giằng co trong biên độ hẹp trong phiên hôm nay.

— Xu hướng ngắn hạn được cải thiện và trở nên trung tính hơn, tiếp tục mở ra cơ hội quay lên vùng kháng cự 800 (+-5) trước khi chỉ số chịu nhiều hơn áp lực rung lắc.

— NĐT được khuyến nghị mở vị thế SHORT khi chỉ số tiến lên vùng kháng cự đề cập.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng chốt lời tại +30% và cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-0.16%	0.10%
Tăng lũy kế (YTD)	-10.63%	-15.81%

So sánh hiệu suất với VN30 Index

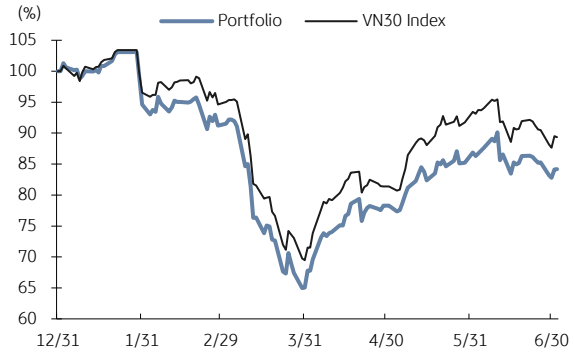

Danh mục đầu tư mẫu

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 02/07/2020	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	81,800	-0.2%	-29.4%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu nắm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	25,200	1.2%	-13.1%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuan Jewelry (PNJ)	22/03/2019	58,700	0.2%	-42.6%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	16,850	-0.3%	-20.9%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - MCredit vẫn đang được đặ nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	30,950	0.3%	-9.0%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	46,150	-0.1%	9.0%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	22,300	0.0%	-8.6%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
Vietjet (VJC)	05/02/2019	107,900	-0.1%	-16.5%	- Giá cổ phiếu sụt giảm mạnh do tác động ngắn hạn của dịch Corona - Hưởng lợi từ diễn biến sụt giảm sâu của giá dầu - Triển vọng dài hạn khả quan, kỳ vọng việc dự án Long Thành được đẩy nhanh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	27,600	0.7%	17.7%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbac City Development (KBC)	09/03/2020	13,950	-0.7%	1.8%	- Giá bán khu độ thị Tràng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
MSN	3.1%	38.9%	18.8
GEX	1.8%	15.4%	9.3
HPG	0.7%	36.1%	7.5
NVL	-0.2%	6.1%	6.6
NLG	1.2%	47.8%	4.3
Mã	**Thay đổi (%)**	**Sở hữu nước ngoài (%)**	**Bán ròng (Tỷ VND)**
IBC	0.4%	3.3%	-56.3
VIC	-1.2%	13.9%	-20.9
POW	-1.9%	11.6%	-17.5
DBC	4.8%	5.5%	-17.0
VCB	-0.1%	23.8%	-14.8

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
HUT	3.9%	3.9%	0.3
WCS	1.0%	25.7%	0.2
PMC	1.0%	21.9%	0.2
PLC	0.7%	0.8%	0.1
IDV	0.3%	14.6%	0.1
Ticker	**Thay đổi (%)**	**Sở hữu nước ngoài (%)**	**Bán ròng (Tỷ VND)**
PVS	-0.8%	11.7%	-2.1
PSD	0.0%	1.9%	-1.7
VLA	0.7%	5.6%	-0.4
SHS	-0.8%	6.1%	-0.3
LHC	0.0%	23.7%	-0.3

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Xây dựng và Vật Liệu	1.8%	VGC, CTD
Tài nguyên Cơ bản	0.1%	HPG, DHC
Thực phẩm và đồ uống	0.1%	SAB, MSN
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.8%	TLG, STK
Dầu khí	-0.9%	PVD, PLX
5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	**Thay đổi (%)**	**Mã tiêu biểu**
Ô tô và phụ tùng	-4.8%	TCH, DRC
Hóa chất	-3.2%	GAS, POW
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-2.6%	BVH, PGI
Bảo hiểm	-2.2%	VCB, BID
Ngân hàng	-1.9%	LGC, AAA

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Tài nguyên Cơ bản	2.9%	HPG, HSG
Xây dựng và Vật Liệu	2.3%	VGC, CTD
Dịch vụ tài chính	-0.6%	DCM, VAF
Hóa chất	-1.0%	FIT, FTS
Y tế	-2.1%	PME, JVC
5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	**Thay đổi (%)**	**Mã tiêu biểu**
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-7.5%	GAS, POW
Truyền thông	-7.3%	AAA, PNC
Ngân hàng	-7.2%	VCB, BID
Du lịch và Giải trí	-5.8%	VJC, HVN
Bảo hiểm	-5.1%	BVH, PGI

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtriệu, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	PER (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							19E	20E		19E	20E	19E	20E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	89,900	304,081 (13,104)	48,005 (2.1)	22.8	48.5	31.1	20.0	6.8	8.9	3.5	3.0	-1.2	-3.7	-7.0	-21.8
	VHM	VINHOMES JSC	76,900	252,964 (10,901)	180,724 (7.8)	28.9	9.5	8.5	34.3	38.2	30.4	3.0	2.3	0.0	1.9	-1.2	-9.3
	VRE	VINCOM RETAIL JS	26,200	59,535 (2,566)	63,979 (2.8)	18.2	22.6	17.0	4.7	9.4	11.9	2.1	1.9	-0.9	-1.1	-5.1	-22.9
	NVL	NO VA LAND INVES	61,200	59,336 (2,557)	67,805 (2.9)	32.2	19.6	21.2	-6.0	12.4	11.5	2.4	2.1	-0.2	2.9	12.9	2.9
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	23,500	12,328 (531)	18,003 (0.8)	5.1	11.4	10.1	15.2	14.3	14.7	1.5	1.4	0.9	-1.5	5.6	-12.6
	DXG	DAT XANH GROUP	11,450	5,940 (256)	54,074 (2.3)	7.9	5.8	5.1	-14.2	12.0	14.3	0.7	0.7	-2.1	-5.8	0.4	-21.0
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	82,600	306,353 (13,202)	69,902 (3.0)	6.2	18.1	14.9	13.0	20.0	19.9	3.1	2.6	-0.1	-1.3	-4.6	-8.4
	BID	BANK FOR INVESTM	39,000	156,859 (6,760)	48,150 (2.1)	12.3	29.3	18.2	-11.3	9.1	12.3	2.1	1.9	-0.5	-2.5	-3.8	-15.5
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	19,750	69,128 (2,979)	36,168 (1.6)	0.0	6.7	5.7	4.9	16.4	16.3	1.0	0.8	-0.3	-2.2	-6.6	-16.1
	CTG	VIETNAM JS COMM	22,300	83,032 (3,578)	116,554 (5.0)	0.1	12.4	9.2	16.4	10.1	12.0	1.0	1.0	0.0	-1.8	-4.9	6.7
	VPB	VIETNAM PROSPERI	21,450	52,290 (2,253)	91,957 (4.0)	0.0	6.8	5.6	0.4	16.7	16.7	1.1	0.9	-0.7	-2.5	-11.0	7.3
	MBB	MILITARY COMMERC	16,850	40,633 (1,751)	100,657 (4.3)	0.0	5.2	4.4	7.8	18.1	18.2	0.9	0.7	-0.3	-2.9	-5.9	-19.0
	HDB	HDBANK	24,700	23,858 (1,028)	30,008 (1.3)	9.1	7.0	5.7	10.2	19.9	21.5	1.0	0.9	0.6	-3.9	-7.3	-10.3
	STB	SACOMBANK	11,050	19,930 (859)	183,447 (7.9)	14.8	11.0	7.1	10.6	7.2	10.0	0.7	0.6	-1.3	-3.5	5.2	10.0
	TPB	TIEN PHONG COMME	20,800	16,985 (732)	2,691 (0.1)	0.0	5.5	4.6	44.5	24.0	21.6	1.0	-	-0.2	-1.0	-1.0	-1.2
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	17,700	21,761 (938)	2,836 (0.1)	0.0	38.1	36.5	-6.9	3.6	3.6	1.3	1.3	-0.3	-0.3	0.6	-0.6
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	46,900	34,815 (1,500)	43,253 (1.9)	20.7	33.5	25.2	-5.4	6.1	8.0	1.8	1.7	2.1	-2.3	-6.0	-31.6
	BMI	BAOMINH INSURANC	21,800	1,992 (086)	4,972 (0.2)	13.6	-	-	-	6.8	8.6	0.9	0.9	0.2	2.3	0.5	-12.1
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	15,150	9,104 (392)	88,765 (3.8)	49.9	10.7	8.4	-17.7	8.8	10.7	0.9	0.8	-1.0	-4.1	0.7	-2.6
	VCI	VIET CAPITAL SEC	22,200	3,647 (157)	20,601 (0.9)	72.2	7.9	6.2	-24.9	11.1	13.0	0.8	0.8	1.4	-2.8	-6.7	-24.7
	HCM	HO CHI MINH CITY	19,050	5,812 (250)	50,737 (2.2)	47.8	13.0	8.1	-22.5	11.0	17.1	1.3	1.2	0.0	-2.6	0.0	-10.8
	VND	VNDIRECT SECURIT	13,050	2,721 (117)	9,907 (0.4)	13.0	11.7	7.4	-19.1	7.4	11.2	0.8	0.8	-1.1	-4.0	1.2	-9.4
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	113,000	196,776 (8,480)	124,216 (5.3)	41.3	19.8	18.4	4.6	37.9	39.1	6.5	5.9	-1.5	-2.9	-2.6	-3.0
	SAB	SAIGON BEER ALCO	166,900	107,030 (4,612)	10,155 (0.4)	36.7	26.3	21.9	1.2	21.6	24.2	5.3	4.7	2.4	4.3	-8.8	-26.8
	MSN	MASAN GROUP CORP	57,200	66,864 (2,881)	99,518 (4.3)	10.1	41.8	25.4	-45.4	4.1	7.5	1.5	1.4	3.1	0.9	-10.5	1.2
	HNG	HOANG ANH GIA LA	15,450	17,127 (738)	10,014 (0.4)	48.7	-	-	-	-	-	-	-	0.3	-0.3	3.0	11.2
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	107,900	56,522 (2,436)	49,985 (2.2)	11.8	23.2	11.3	-31.3	14.3	27.0	3.3	2.9	-0.1	-0.6	-5.9	-26.2
	GMD	GEMADEPT CORP	18,900	5,612 (242)	7,280 (0.3)	0.0	14.4	12.5	-53.8	6.9	8.0	0.9	0.9	0.0	-4.3	-1.6	-18.9
	CII	HO CHI MINH CITY	18,100	4,323 (186)	38,314 (1.6)	31.3	12.7	13.5	105.5	7.7	7.0	0.9	0.9	-0.5	-3.2	-5.5	-19.6
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,000	1,703 (073)	93,325 (4.0)	47.2	-	-	-	-	-	-	-	-1.3	-3.8	-6.3	-82.7
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	17,100	8,036 (346)	24,683 (1.1)	33.6	11.0	8.6	-16.2	11.7	13.9	1.2	1.2	1.8	0.9	0.0	-11.6
	CTD	COTECCONS CONSTR	79,600	6,073 (262)	46,252 (2.0)	2.8	10.8	10.7	-39.4	6.6	6.8	0.7	0.7	7.0	17.8	10.7	55.2
	REE	REE	30,950	9,596 (414)	14,519 (0.6)	0.0	6.1	5.3	-5.9	14.1	14.5	0.8	0.7	0.3	-0.5	-2.2	-14.7

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtriệu, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	PER (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							19E	20E		19E	20E	19E	20E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	70,500	134,933 (5,815)	40,962 (1.8)	45.7	17.6	14.0	-17.1	15.9	19.3	2.7	2.6	-0.7	-2.6	-7.7	-24.8
	NT2	PETROVIETNAM NHO	21,750	6,261 (270)	7,250 (0.3)	31.0	8.8	8.3	-2.9	16.8	18.4	1.5	1.4	-0.2	0.5	2.6	0.5
	PPC	PHA LAI THERMAL	24,150	7,743 (334)	4,851 (0.2)	32.6	8.1	8.7	-9.4	16.3	14.8	1.2	1.2	0.2	-1.8	-0.2	-10.2
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	27,600	76,206 (3,284)	347,544 (15.0)	12.9	8.7	6.8	-0.5	18.2	19.6	1.4	1.2	0.7	1.1	2.0	17.4
	DPM	PETROVIETNAM FER	14,300	5,596 (241)	52,995 (2.3)	37.6	9.5	8.9	-0.7	8.4	8.3	0.7	0.7	-0.7	-6.2	-0.7	10.4
	DCM	PETRO CA MAU FER	8,710	4,611 (199)	22,326 (1.0)	47.1	10.7	23.7	-14.7	7.8	3.5	0.7	0.8	-1.1	-8.3	5.6	34.0
	HSG	HOA SEN GROUP	11,750	5,221 (225)	149,450 (6.4)	36.9	9.2	8.3	20.0	9.9	9.8	0.8	0.7	-2.1	-4.5	19.9	58.0
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,200	2,089 (090)	31,552 (1.4)	95.8	6.4	7.3	37.9	13.4	10.4	0.6	0.6	-1.2	-6.9	-2.8	-3.9
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	45,500	54,182 (2,335)	61,599 (2.7)	6.2	37.1	16.6	-33.5	7.1	15.3	2.3	1.9	0.9	-0.8	-1.9	-18.8
	PVD	PETROVIETNAM DRI	10,200	4,296 (185)	57,639 (2.5)	36.9	34.3	23.4	-9.0	1.0	0.9	0.3	0.3	-1.0	-2.4	-8.9	-32.2
	PVT	PETROVIET TRANSP	10,500	2,955 (127)	15,006 (0.6)	24.0	7.0	5.9	-19.1	8.9	9.9	0.5	0.5	-0.9	-3.2	-6.3	-37.5
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	81,800	37,040 (1,596)	92,423 (4.0)	0.0	9.2	7.6	15.3	30.0	29.5	2.4	1.9	-0.2	-2.2	-4.1	-28.2
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	58,700	13,215 (569)	41,180 (1.8)	0.0	14.6	11.9	-0.1	21.7	22.6	2.5	2.2	0.2	-1.5	-7.1	-31.7
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	53,400	1,576 (068)	1,226 (0.1)	69.4	22.4	16.4	-28.1	6.7	8.5	1.4	1.4	0.8	-1.1	-7.8	44.3
	FRT	FPT DIGITAL RETA	23,650	1,868 (080)	26,517 (1.1)	14.2	11.8	10.8	-31.7	11.8	12.1	1.3	1.2	0.6	-1.5	-7.4	12.4
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	52,700	7,141 (308)	64,465 (2.8)	38.7	6.6	6.5	30.3	38.0	32.7	2.3	2.0	2.3	4.2	3.1	38.0
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	91,000	11,898 (513)	1,443 (0.1)	45.5	18.5	17.0	4.4	19.6	19.3	3.3	3.1	0.6	0.6	-3.2	-0.5
	PME	PYMEPHARCO JSC	62,300	4,673 (201)	1,133 (0.0)	37.9	-	-	-	-	-	-	-	-3.0	-1.1	4.7	14.7
IT	FPT	FPT CORP	46,150	36,177 (1,559)	69,391 (3.0)	0.0	10.5	9.2	18.3	24.1	25.2	2.3	2.0	-0.1	-1.4	-3.9	-9.0

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược Thị trường

Giám đốc Kinh tế Vĩ mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh
anhtd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Vĩ mô – Thái Thị Việt Trinh
trinhttv@kbsec.com.vn

Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng
tungla@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu
hieudd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng
tungna@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga
ngaphb@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Lê Thành Công
conglt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Ngân hàng Tài chính – Nguyễn Thị Thu Huyền
huyenntt@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim
harrison.kim@kbfg.com

Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung
dungdpp@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Thủy sản & Dược phẩm – Nguyễn Thanh Danh
danhnt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Hóa chất – Nguyễn Vinh
vinhn@kbsec.com.vn

Bộ phận Marketing Research

Chuyên viên Marketing Hàn Quốc – Seon Yeong Shin
shin.sy@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:
Địa chỉ: Tầng G, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:
Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:
Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:
Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ
Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656
Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276
Email: ccc@kbsec.com.vn
Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu
(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành
(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.